TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/KDTM-ST
Ngày: 29-09-2025
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 27/2025/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH X; địa chỉ: Số D đường T, tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị N, sinh ngày 20/11/1986; CCCD số: 082186022177; địa chỉ: B đường T, tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật; Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH G; địa chỉ: Lô N, đường N, Khu công nghiệp N mở rộng, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2025, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH X (viết tắt là Công ty X) và Công ty TNHH G (viết tắt là Công ty G) có ký 02 Hợp đồng kinh tế thuê máy: Hợp đồng kinh tế thuê máy HĐ TT/22/03/2023YS ngày 22/3/2023 và Hợp đồng kinh tế thuê máy HĐ TT01/03/2024YS ngày 01/03/2024 với nội dung: Công ty X sẽ cho Công ty G thuê các máy móc thiết bị gồm: Bộ máy phun sơn piston áp lực cao Rea Tech; bơm piston áp lực cao Evomotion 2214BX; lọc bơm áp lực cao, điều áp hơi, bộ đầu lọc; súng phun sơn áp lực cao aircoat GM 4100AC; béc phun sơn; béc chia gió; lọc súng (đã bao gồm trong súng); van, đầu nối, ống dẫn sơn áp lực cao và ống dẫn hơi 7.5M, ống hút sơn có lọc, ống xã, hệ thống giá đỡ với mâm chống tràn.

Trong các Hợp đồng kinh tế thuê máy hai bên thỏa thuận: sau 15 ngày, Công ty T Tâm giao máy đến Công ty G tại vị trí chỉ định và sau 30 ngày Công ty T1 đối chiều và xuất hóa đơn. Công ty G nhận được đôi chiếu công nợ và hóa đơn thì chuyển tiền cho Công ty X. Tuy nhiên, Công ty G đã không thanh toán đúng thời hạn. Vì để giữ mối quan hệ kinh doanh cũng như để cho Công ty G có thời gian thanh toán nên Công ty X vẫn tiếp tục cho Công ty G thuê máy móc thiết bị để sản xuất có nguồn tiền trả cho Công ty X. Nhưng Công ty G vẫn không trả tiền nên hai bên đã chấm dứt hợp đồng thuê máy và Công ty X đã nhận lại toàn bộ máy cho thuê. Ngày 03/4/2025, Công ty G đã ký Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ với nội dung: Công ty G xác nhận đến tháng 02/04/2025 còn nợ 736.430.400 đồng. Công ty G cam kết sẽ thanh toán trong vòng 06 tháng vào ngày 20-25 hàng tháng đến khi trả hết nợ vào ngày 20-25 tháng 9 năm 2025, cụ thể như sau:

Tháng 4/2025 thanh toán: 142.214.400 đồng;

Tháng 5/2025 thanh toán 113.184.000 đồng;

Tháng 6/2025 thanh toán 113.184.000 đồng;

Tháng 7/2025 thanh toán 113.184.000 đồng;

Tháng 8/2025 thanh toán 113.184.000 đồng;

Tháng 9/2025 thanh toán141.480.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty G không thực hiện đúng nên Công ty X yêu cầu:

Buộc Công ty G phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 736.430.400 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 25/4/2025 (ngày Công ty G vi phạm nghĩa vụ theo Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 03/4/2025) đến ngày 29/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 736.430.400 đồng x 5 tháng x 0.83%/tháng = 30.561.000 đồng. Tổng cộng: 766.991.400 đồng. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tiền nợ lãi 30.561.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn rút yêu cầu nợ lãi nên đề nghị Tòa án đình chỉ đối với tiền nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH X khởi kiện Công ty TNHH G liên quan đến hợp đồng thuê máy nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH G có trụ sở tại phường B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, hai bên ký hợp đồng kinh tế thuê máy số HĐ: TT/22/03/2023YS ngày 22/3/2023 và Hợp đồng kinh tế thuê máy số HĐ: TT/01/03/2024YS ngày 01/3/2024. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao máy cho bị đơn thuê theo hợp đồng. Ngày 03/4/2024, hai bên xác nhận chấm dứt hợp đồng và xác nhận Công ty TNHH G còn nợ Công ty TNHH X 736.430.400 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trả tiền thuê may là có căn cứ chấp nhận.

[4] Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm thanh toán là tự nguyên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án;

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 301 của Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty TNHH G về tiền nợ lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty TNHH G về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH G có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH X 736.430.400 đồng (Bảy trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH G phải chịu án phí sơ thẩm là 33.457.216 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm mười sáu đồng).

2.2. Công ty TNHH X không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả 17.462.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003245 ngày 14/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hàn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm